

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **111/2024/HNGĐ-ST**
Ngày 12/8/2024
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thuở

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam
2. Ông Võ Hoàng Hiếu

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 195/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định hoãn phiên tòa số : 390/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Ngọc B, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Phú H, xã C, huyện M, tỉnh B

Bị đơn: Ông Lê Thanh D, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Thanh T, xã Định T, huyện M, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Đoàn Ngọc B trình bày:

Bà và ông Lê Thanh D kết hôn năm 2002, được Ủy ban nhân dân xã Định Thủy, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/12/2002. Sau khi cưới vợ chồng sống tại gia đình chồng ở xã Định Thủy, đến cuối năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung. Sau đó bà về nhà cha mẹ ruột sống tại xã Cẩm Sơn, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Lê Thanh D. Về con

chung có 01 con chung tên Lê Thị Hồng N, sinh ngày 19/12/2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung và nợ chung không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Thanh Dũng vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Theo nội dung đơn khởi kiện của bà Đoàn Ngọc B và nội dung tranh chấp thì quan hệ pháp luật giải quyết là tranh chấp Ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn ông Lê Thanh D có nơi cư trú tại ấp Thanh Thủy, xã Định Thủy, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam có thẩm quyền giải quyết là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Ngọc B và ông Lê Thanh D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 25/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Định Thủy, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo lời trình bày của bà B thì quá trình chung sống bà và ông D không có hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng ly thân từ cuối năm 2005 cho đến nay, vì không còn tình cảm với ông D nên bà yêu cầu xin ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Dũng để hòa giải để các bên đoàn tụ nhưng ông đều vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà B. Do đó có cơ sở xác định ông D không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà B, mâu thuẫn vợ chồng của ông bà đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn của bà B được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà Đoàn Ngọc B và ông Lê Thanh D có 01 con chung tên Lê Thị Hồng N, sinh ngày 19/12/2002 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đoàn Ngọc B khai bà và ông Lê Thanh D không có nên không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Đoàn Ngọc B phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Ngọc B đối với ông Lê Thanh D , cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Đoàn Ngọc B được ly hôn với ông Lê Thanh D

- Về con chung: Bà Đoàn Ngọc B và ông Lê Thanh D có 01 con chung tên Lê Thị Hồng N, sinh ngày 19/12/2002 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đoàn Ngọc B khai bà và ông Lê Thanh D không có nên không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Đoàn Ngọc B phải nộp số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005367 ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (bà B đã nộp đủ án phí).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- CCTHADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- UBND xã Định Thủy (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ, VP (3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở